

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31912/CTHN-TTHT
V/v chính sách thuế TNDN

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2021

Kính gửi: Công ty TNHH Denzai Việt Nam
(Địa chỉ: Phòng số 1, Tầng 8 Tòa nhà PTP Building, 564 Nguyễn Văn Cừ,
phường Gia Thụy, quận Long Biên, TP Hà Nội; MST: 0109081159)

Trả lời công văn số 01/2020/CV-DVC đề ngày 19/7/2021 của Công ty TNHH Denzai Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty) hỏi về chính sách thuế TNDN, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thỏa thuận giữa Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại Hà Nội và Văn phòng Kinh tế và văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc về tránh đánh thuế hai lần và chống trốn thuế thu nhập. Trong đó, tại Điều 23 quy định về tránh đánh thuế hai lần.

- Căn cứ Thông tư số 205/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn những nội dung cơ bản của các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và tài sản giữa Việt Nam với các nước và vùng lãnh thổ có hiệu lực thi hành tại Việt Nam:

+ Tại Điều 6 quy định về một số trường hợp từ chối áp dụng Hiệp định trên cơ sở nguyên tắc hưởng lợi Hiệp định:

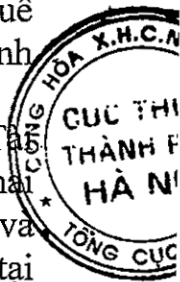
“Điều 6. Một số trường hợp từ chối áp dụng Hiệp định trên cơ sở nguyên tắc hưởng lợi Hiệp định

Trừ khi được quy định khác tại Hiệp định về giới hạn hưởng lợi Hiệp định, Cơ quan thuế Việt Nam sẽ từ chối đề nghị áp dụng Hiệp định trong các trường hợp sau:

1. Người đề nghị đề nghị áp dụng Hiệp định đối với số thuế đã phát sinh quá ba năm trước thời điểm đề nghị áp dụng Hiệp định.

Ví dụ 3: Trong giai đoạn từ 2006 đến 2012, doanh nghiệp V của Việt Nam hàng năm có thu nhập từ tiền bản quyền tại Ma-lai-xi-a và hàng năm đều đã nộp thuế tại Ma-lai-xi-a theo quy định tại Hiệp định giữa Việt Nam và Ma-lai-xi-a. Vào ngày 01/10/2012, doanh nghiệp V nộp hồ sơ đề nghị khấu trừ thuế theo Hiệp định giữa Việt Nam và Ma-lai-xi-a đối với toàn bộ số thuế đã nộp tại Ma-lai-xi-a trong giai đoạn từ 2006 đến 2012. Trong trường hợp này, Cơ quan thuế Việt Nam chỉ xem xét khấu trừ thuế tại Việt Nam đối với số tiền đã nộp cho số thuế phát sinh tại Ma-lai-xi-a trong giai đoạn 3 năm từ ngày 01/10/2009 đến ngày 01/10/2012.

...
+ Tại Điều 48 quy định về biện pháp khấu trừ thuế:



“Điều 48. Biện pháp khấu trừ thuế

Trường hợp một đối tượng cư trú của Việt Nam có thu nhập và đã nộp thuế tại Nước ký kết Hiệp định với Việt Nam, nếu tại Hiệp định, Việt Nam cam kết thực hiện biện pháp khấu trừ thuế thì khi đối tượng cư trú này kê khai thuế thu nhập tại Việt Nam, các khoản thu nhập đó sẽ được tính vào thu nhập chịu thuế tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế ở Việt Nam và số tiền thuế đã nộp ở Nước ký kết sẽ được khấu trừ vào số thuế phải nộp tại Việt Nam. Việc khấu trừ thuế thực hiện theo các nguyên tắc dưới đây:

a) Thuế đã nộp ở Nước ký kết được khấu trừ là số thuế được quy định tại Hiệp định;

b) Số thuế được khấu trừ không vượt quá số thuế phải nộp tại Việt Nam tính trên thu nhập từ Nước ký kết theo quy định pháp luật hiện hành về thuế ở Việt Nam nhưng cũng không được khấu trừ hoặc hoàn số thuế đã nộp cao hơn ở nước ngoài;

c) Số thuế đã nộp ở Nước ký kết được khấu trừ là số thuế phát sinh trong thời gian thuộc năm tính thuế tại Việt Nam.

...”

- Căn cứ Khoản 4 Điều 44 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ, quy định về thủ tục khấu trừ thuế nước ngoài vào thuế phải nộp tại Việt Nam:

“4. Thủ tục khấu trừ thuế nước ngoài vào thuế phải nộp tại Việt Nam

Các tổ chức, cá nhân là đối tượng cư trú của Việt Nam đã nộp thuế tại Nước ký kết Hiệp định thuế với Việt Nam và số thuế đã nộp là đúng với quy định của luật nước ngoài và quy định của Hiệp định thì sẽ được khấu trừ số thuế đã nộp (hoặc được coi như đã nộp) tại Nước ký kết Hiệp định thuế với Việt Nam. Thủ tục khấu trừ thuế như sau:

a) Người nộp thuế gửi hồ sơ đề nghị khấu trừ số thuế đã nộp (hoặc được coi như đã nộp) tại nước ngoài vào số thuế phải nộp tại Việt Nam đến Cơ quan thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đăng ký nộp thuế. Hồ sơ gồm:

a.1) Giấy đề nghị khấu trừ thuế nước ngoài vào thuế phải nộp tại Việt Nam theo Hiệp định theo mẫu số 02/HTQT ban hành kèm theo Thông tư này, trong đó cung cấp các thông tin về giao dịch liên quan đến số thuế nước ngoài đề nghị được khấu trừ vào số thuế phải nộp tại Việt Nam thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định.

Trường hợp người nộp thuế không thể cung cấp đủ các thông tin hoặc các tài liệu theo yêu cầu của điểm a khoản 4 Điều này đề nghị giải trình cụ thể tại Giấy đề nghị khấu trừ thuế này để cơ quan thuế xem xét, quyết định.

a.2) Các tài liệu khác tùy theo hình thức đề nghị khấu trừ. Cụ thể:

- Trường hợp khấu trừ trực tiếp

+ Bản chụp Tờ khai thuế thu nhập ở nước ngoài có xác nhận của người nộp thuế;

+ Bản chụp chứng từ nộp thuế ở nước ngoài có xác nhận của người nộp thuế;

+ Bản gốc xác nhận của Cơ quan thuế nước ngoài về số thuế đã nộp.

...”

- Căn cứ Điều 16 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế:

“Điều 16. Sửa đổi Điều 12, Thông tư số 156/2013/TT-BTC như sau:

“ Điều 12. Khai thuế thu nhập doanh nghiệp

...3. Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm và khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đến thời điểm có quyết định về việc doanh nghiệp thực hiện chia, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, giải thể, chấm dứt hoạt động.

b) Hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

b.1) Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo mẫu số 03/TNDN ban hành kèm theo Thông tư này.

...b.3) Một hoặc một số phụ lục kèm theo tờ khai ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC và Thông tư này (tùy theo thực tế phát sinh của người nộp thuế):

...- Phụ lục số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế theo mẫu số 03-4/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

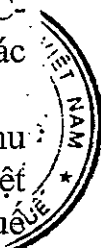
...”

- Thực hiện hướng dẫn của Bộ Tài chính tại công văn số 1938/BTC-TCT ngày 26/02/2021 về việc thực hiện Thông tư số 156/2013/TT-BTC và các Thông tư khác.

Căn cứ các quy định trên, trường hợp năm 2020 Công ty có phát sinh thu nhập tại Đài Loan (nước đã ký kết Hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam) đã chịu thuế TNDN (hoặc một loại thuế có bản chất tương tự như thuế TNDN) ở Đài Loan, số thuế đã nộp đúng theo quy định của luật nước ngoài và quy định tại Hiệp định thì số tiền thuế đã nộp (hoặc được coi như đã nộp) tại Đài Loan sẽ được khấu trừ vào số thuế phải nộp tại Việt Nam nếu đảm bảo các điều kiện và thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Điều 48 Thông tư số 205/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 của Bộ Tài chính.

Thủ tục khấu trừ thuế nước ngoài vào số thuế phải nộp tại Việt Nam thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 4 Điều 44 Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian xem xét khấu trừ số thuế đã nộp tại nước ngoài vào số thuế phải nộp tại Việt Nam không quá ba năm trước thời điểm đề nghị áp dụng Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và nước ngoài, trừ khi có quy định khác về giới hạn hưởng lợi theo Hiệp định.

Đối với số thuế TNDN đã nộp tại nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế thì Công ty thực hiện kê khai vào Phụ lục 03-4/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính và thể hiện tại Chỉ tiêu C15- Số thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế trên Tờ khai quyết



toán thuế TNDN (mẫu số 03/TNDN) ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Tại Phụ lục 03-4/TNDN đã hướng dẫn cách kê khai: Thu nhập chịu thuế theo Luật thuế TNDN = Thu nhập nhận được ở nước ngoài + Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài cho phần thu nhập nhận được.

Công ty có thể tham khảo tài liệu hướng dẫn kê khai các chỉ tiêu trên Tờ khai 03/TNDN, Phụ lục 03-4/TNDN nêu trên tại Mục Nội dung hướng dẫn trên ứng dụng Hỗ trợ kê khai (HTKK) hoặc tham khảo tại trang web <https://hanoi.gdt.gov.vn>.

Từ ngày 01/7/2020, Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội có hiệu lực thi hành thì đơn vị thực hiện theo quy định của Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14.

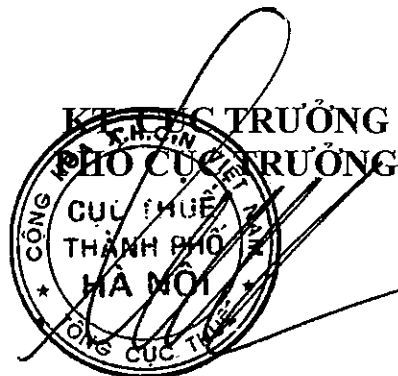
Hiện nay, Bộ Tài chính đang xây dựng dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14. Cục Thuế TP Hà Nội sẽ đăng tải nội dung trên trang web <https://hanoi.gdt.gov.vn> hướng dẫn người nộp thuế khi các văn bản được ban hành. Đề nghị đơn vị căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị và các văn bản quy phạm pháp luật để kê khai và nộp thuế theo đúng quy định.

Trong quá trình thực hiện chính sách thuế, trường hợp còn vướng mắc, đơn vị có thể tham khảo các văn bản hướng dẫn của Cục Thuế TP Hà Nội được đăng tải trên website <http://hanoi.gdt.gov.vn> hoặc liên hệ với Phòng Thanh tra - Kiểm Tra số 2 để được hỗ trợ giải quyết.

Cục thuế TP Hà Nội trả lời đề Công ty TNHH Denzai Việt Nam biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TTKT2;
- Phòng NVDTPC;
- Website Cục Thuế;
- Lưu: VT, TTHT(2). *2 (6,3)*



Nguyễn Tiên Trường